**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐỒNG PHÚ**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Hùng
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Quang Thìn
2. Ông Nguyễn Viết Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Tý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395(404)//2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: - Chị **Trần Thị Ngọc A**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Suối Chồn, xã BV, huyện LK, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: - Anh **Vương Trung K** sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Suối Da, xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 11 năm 2017 cũng như tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Ân trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Avà anh Vương Trung K chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.vào ngày 06 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến giữa năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh K thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm lo cho vợ con, dẫn đến bất đồng, lời qua tiếng lại, đánh đập vợ. Chị A nhận thấy anh K không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, tình cảm chị A dành cho anh K không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị A và anh K có 01 con chung tên:

Vương Mẫn N , sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề chung khác: Chị A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vương Trung K tại bản tự khai ngày 08/01/2018 anh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K chung sống tự nguyện với chị Trần Thị Ngọc A và có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không có hạnh phúc mà thường phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống dẫn đến ly hôn. Anh K và chị A không còn chung sống với nhau. Nay chị A xin ly hôn thì anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh K và chị A có 01 con chung tên: Vương Mẫn N, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi con chung anh K đồng ý, về cấp dưỡng chị A không yêu cầu nên anh K không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề chung khác: Anh K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vương Trung K có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị A được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh K thống nhất giao con chung cho chị A nuôi nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị A.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Vương Trung K có nơi cư trú tại xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện ĐP đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh K nhưng tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt và trước đây đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh K xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh K vi phạm nghĩa vụ của người chồng, không chăm lo cho gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm các bên không còn nên không thể hàn gắng được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng anh K vắng mặt, điều này thể hiện anh Khánh không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng anh K, chị A đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị A được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị A và anh K đều trình bày có 01 con chung tên: Vương Mẫn N, sinh ngày 17/8/2014, khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi con chung, anh K thống nhất giao con chung cho chị A nuôi, hiện tại cháu N đang ở cùng chị A nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A theo quy đinh tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị A và anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị Ngọc A được ly hôn với anh Vương Trung K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Vương Mẫn N, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng chị A không yêu cầu.

Trong thời gian chị A nuôi dưỡng con chung anh K được thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). chị Trần Thị Ngọc A phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024399 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
*-TAND tỉnh Bình Phước;*
*-VKSND huyện Đồng Phú;*
*-THA huyện Đồng Phú;*
*- UBND xã Tân Hưng (S:09;QS:01; 06/05/2014);*
*-Các đương sự;*
*-Lưu HS, BP.HNGĐ.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

***( Đã ký )***

**Nguyễn Đức Hùng**